

*Hà Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Văn Thân

2. Bà: Lê Thị Phương

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST- DSTC, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H;

Địa chỉ: SN 450, đường L, tổ 04, phường N, thành phố H, tỉnh H.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc T; Bà Đỗ Thị O;

Địa chỉ: Cùng trú tại SN 452, đường L, tổ 04, phường N, thành phố H, tỉnh H.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

\* Về thửa đất tranh chấp thửa số 2 mảnh trích đo địa chính số TĐ72-2020 tại tổ 04, phường N, thành phố H diện tích 298,5m<sup>2</sup> loại đất BHK hai bên bà Hòa

và ông T, bà O thống nhất thỏa thuận chia tại thực địa có đánh dấu sơn đỏ ngăn cách (03 dấu sơn đỏ các điểm HA1, HA2, HA3 và các điểm theo mảnh trích đo địa chính). Được tách thành thửa số 544; 545 mảnh trích đo địa chính số 38/2021 hai bên thỏa thuận như sau:

- Bà H được quản lý, sử dụng từ bức tường do ông T, bà O xây giáp đất bà H đang quản lý, sử dụng kéo thẳng xuống điểm HA1, HA2, HA3. Từ các điểm trên phần diện tích bà H được sử dụng từ điểm HA3, 32,33 và điểm HA1, HA2 khép về điểm HA3 với diện tích 131,5 m<sup>2</sup> có ranh giới cụ thể phía Đông, phía Tây, phía Nam giáp đất bà H đang quản lý, sử dụng; phía Bắc giáp đất ông T, bà O được chia theo thỏa thuận. Bà H được sử dụng bức tường xây cũ từ điểm 35 kéo xuống điểm 29.

- Hộ ông T, bà O được quản lý, sử dụng theo các điểm 34, 35, 29, 4, 30, 31, HA3, HA2, HA1 khép về điểm 34 với diện tích 167 m<sup>2</sup> có ranh giới cụ thể như sau: Phía Đông, phía Tây giáp đất bà H đang quản lý, sử dụng; phía Nam giáp đất bà H được chia theo thỏa thuận; phía Bắc giáp đất nhà ông T, bà O đang quản lý, sử dụng. Trừ diện tích bức tường xây do bà H xây cũ từ điểm 35 kéo xuống điểm 29 là bà H được sử dụng bức tường xây.

*(Có mảnh trích đo địa chính số 38-2021, hệ tọa độ VN 2000, khu đất tranh chấp giữa bà H và ông T, bà O tại tổ 4, tờ số 63 phường N, thành phố H của Văn phòng đăng ký đất đai kèm theo).*

\* Hộ bà Hòa và hộ ông T, bà O cùng có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

\* Về cây cối, cây cảnh trồng, đặt trên đất: Hộ ông T, bà O có trách nhiệm di dời toàn bộ cây cảnh, cây cối trồng, đặt, tường xây trên đất bên bà Hòa được chia theo thỏa thuận để trả lại hiện trạng đất cho bà Hòa quản lý, sử dụng.

\* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; chi phí định giá và chi phí đo đạc bằng máy:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lần 1 + 2 và chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (Đã thi hành xong).

- Về chi phí thẩm định lần 3: Bị đơn ông T, bà O tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) (Đã thi hành xong).

- Về chi phí đo đạc bằng máy: Nguyên đơn bà H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền là 13.530.546đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi

sáu đồng) theo hợp đồng kinh tế số 37/HĐ-ĐĐ ngày 08/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai(đã thi hành xong).

**\* Về án phí:**

Các đương sự bà Trần Thị H, ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị O thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 300.000,đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, biên lai thu số: 01318 ngày 14/8/2019

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VPSNDTP
- TA tỉnh HG
- Các đương sự.
- Các cơ quan chuyên môn
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Thị Nghị**